

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp thuốc theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp thuốc năm 2025 lần 4;
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh
Cơ sở 1: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh;
Cơ sở 2: 201 Nguyễn Chí Thanh, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh;
Cơ sở 3: 221B Hoàng Văn Thụ, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 12 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước ~~16~~ giờ, ngày 01/06/2025.
9. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi/Chào hàng cạnh tranh;
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá online qua website:
<https://www.bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;

- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Khoa Dược, Lầu 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Người liên hệ: DS. Trần Thị Hoàng Xuân Số điện thoại: (028) 3952.5955

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);



+ Thông báo trúng thầu hoặc hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (bắt buộc);

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy phép lưu hành sản phẩm/giấy phép nhập khẩu và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, KD (B21-069-tthxuan) (02).

**TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG KHOA**



Đặng Nguyễn Đoàn Trang

[Handwritten signatures]

PHỤ LỤC. DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ

(Đính kèm Công văn số 2341./BVĐHYD-KD ngày 24. tháng 5 năm 2025)

TT	Tên hoạt chất	Phân nhóm (tham khảo)	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	Acid Benzoic+Acid Boric+Thymol+Menthol+Eucalyptol+Methylsalicylat	1/2/3/4/5/BDG	(0.027g + 2.115g + 0.054g + 0.036g + 0.081g + 0.045g)/90ml	Dùng ngoài	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	3.000
2	Betamethason (dạng Betamethason dipropionat) + Betamethason (dạng Betamethason disodium phosphat)	1/2/3/4/5/BDG	1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	880
3	Bisacodyl	1/2/3/4/5/BDG	5mg	Uống	Viên	Viên	50.000
4	Carboplatin	1/2/3/4/5/BDG	450mg/45ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	900
5	Cisatracurium	1/2/3/4/5/BDG	2mg/1ml x 2.5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	16.000
6	Cisplatin	1/2/3/4/5/BDG	50mg/100ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	1.470
7	Citicolin	1/2/3/4/5/BDG	500mg	Uống	Viên	Viên	10.000
8	Clopidogrel	1/2/3/4/5/BDG	75mg	Uống	Viên	Viên	520.000
9	Dầu đậu nành tinh chế + Triglycerid mạch trung bình + Dầu Oliu tinh chế + Dầu cá tinh chế	1/2/4/5/BDG	(6g + 6g + 5g + 3g)/100ml x 250ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	11.100
10	Diltiazem HCl	1/2/3/4/5/BDG	60mg	Uống	Viên	Viên	53.500
11	Fe sucrose	1/2/3/4/5/BDG	100mg/5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	2.500
12	Gemcitabin	1/2/3/4/5/BDG	200mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	5.400
13	Insulin Isophan (NPH) 70% + Insulin Hòa Tan 30% - Insulin người Trộn. Hỗn Hợp	1/2/3/4/5/BDG	100IU/1ml x 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bút	4.800
14	Ipratropium Bromid+Fenoterol Hydrobromid	1/2/3/4/5/BDG	(0.02mg + 0.05mg)/1nhát xịt x 200nhát xịt	Xịt họng	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Bình	1.600
15	Kali Clorid	1/2/3/4/5/BDG	600mg	Uống	Viên	Viên	160.000

THC

TT	Tên hoạt chất	Phân nhóm (tham khảo)	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
16	Levobupivacain	1/2/3/4/5/BDG	5mg/1ml x 10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	5.000
17	Macrogol 4000	1/2/3/4/5/BDG	10g	Uống	Bột/cốm/hạ t pha uống	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	91.300
18	Metoprolol tartrat	1/2/3/4/5/BDG	50MG	Uống	Viên	Viên	204.600
19	Mg Aspartat + K Aspartat	1/2/3/4/5/BDG	(140mg + 158mg)	Uống	Viên	Viên	115.000
20	Nystatin	1/2/3/4/5/BDG	500.000IU	Uống	Viên	Viên	12.000
21	Pemetrexed	5	500mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	420
22	Povidone Iodine	1/2/3/4/5/BDG	10%/ x 90ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	15.100
23	Praziquantel	1/2/3/4/5/BDG	600mg	Uống	Viên	Viên	300
24	Quetiapin	1/2/3/4/5/BDG	300mg	Uống	Viên	Viên	5.500
25	Alanine + Arginine + Aspartic acid + Glutamic Acid + Glycine + Histidine + Isoleucine + Leucine + Lysine + Methionine + Phenylalanine + Proline + Serine + Threonine + Tryptophan + Tyrosine + Valine + Na acetat. 3H ₂ O + Magnesi clorid.6H ₂ O + NaOH + K acetat + Disodium phosphat dodecahydrate	1/2/4/5/BDG	10% 250ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	2.500
26	Alanine + Arginine + Aspartic acid + Glutamic Acid + Glycine + Histidine + Isoleucine + Leucine + Lysine + Methionine + Phenylalanine + Proline + Serine + Threonine + Tryptophan + Tyrosine + Valine + Na acetat. 3H ₂ O + Magnesi clorid.6H ₂ O + NaOH + NaCl + K acetat + Disodium	1/2/4/5/BDG	5% 250ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	2.800

TT	Tên hoạt chất	Phân nhóm (tham khảo)	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
	phosphat dodecahydrate						
27	Alanine + Arginine + Aspartic acid + Glutamic Acid + Glycine + Histidine + Isoleucine + Leucine + Lysine + Methionine + Phenylalanine + Proline + Serine + Threonine + Tryptophan + Tyrosine + Valine + Na acetat. 3H ₂ O + Magnesi clorid.6H ₂ O + NaOH + NaCl + K acetat + Disodium phosphat dodecahydrate	1/2/4/5/BDG	5% 500ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	5.800
28	Amphotericin B	1/2/3/4/5/BDG	50mg/10ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm liposome/n ano/phức h ợp lipid	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	1.970
29	Bari Sulfat	1/2/3/4/5/BDG	92.7g	Uống	Bột/cốm/hạ t pha uống	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	440
30	Betamethason	1/2/3/4/5/BDG	2mg x 2ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	500
31	Bimatoprost+Timolol	1/2/3/4/5/BDG	(0.3mg + 5mg)/1ml x 3ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	80
32	Bột Malva+Xanh Methylen+Campho Monobromid	1/2/3/4/5/BDG	(250mg + 25mg + 20mg)	Uống	Viên	Viên	5.120
33	Dexamethason	1/2/3/4/5/BDG	0.5mg	Uống	Viên	Viên	18.000
34	Dextrose + NaCl + Kali Clorid + Na bicarbonat	1/2/3/4/5/BDG	2g + 0.35g + 0.15g + 0.25g	Uống	Viên	Viên	3.400
35	Diazepam	1/2/3/4/5/BDG	10mg/2ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	230
36	Diphenhydramin HCl	1/2/3/4/5/BDG	10mg/1ml x 1ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	12.260
37	Dopamin hydroclorid	2/3/4/5/BDG	40mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	400

Handwritten signature

TT	Tên hoạt chất	Phân nhóm (tham khảo)	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
38	Fentanyl	1/2/3/4/5/BDG	0.5mg/10ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	7.300
39	Fluorometholon	1/2/3/4/5/BDG	0.02%/ x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	70
40	Glucose+NaCl	1/2/3/4/5/BDG	(5% + 0.9%)/ x 500ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	500
41	Insulin isophan (NPH) - Insulin người tác dụng trung bình	1/2/3/4/5/BDG	100IU/1ml x 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bút	590
42	Iopamidol	1/2/3/4/5/BDG	755.3mg/1ml (Iodine 370mg/ml) x 100ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	3.000
43	Ketamin	1/2/3/4/5/BDG	500mg/10ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	820
44	Lactulose	1/2/3/4/5/BDG	10g/15ml	Thụt hậu môn - trực tràng/uống	Thuốc thụt hậu môn/trực tràng/Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	245.000
45	Naftidrofuryl hydrogen oxalat	1/2/3/4/5/BDG	200mg	Uống	Viên	Viên	30.400
46	Naloxone HCl	1/2/3/4/5/BDG	0.4mg/1ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	116
47	Phenobarbital	1/2/3/4/5/BDG	100mg	Uống	Viên	Viên	600
48	Quetiapin	1/2/3/4/5/BDG	200mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	21.000
49	Sufentanil	1/2/3/4/5/BDG	50mcg/1ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/ lọ/ ống/ túi/ gói	3.500
50	Tetracyclin HCl	1/2/3/4/5/BDG	1%/ x 5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Tube	3.200
51	Vinpocetin	1/2/3/4/5/BDG	5MG	Uống	Viên	Viên	4.400
52	Warfarin Na	1/2/3/4/5/BDG	2mg	Uống	Viên	Viên	9.200
53	Warfarin Na	1/2/3/4/5/BDG	5mg	Uống	Viên	Viên	10.900

CÔNG TY:
MÃ SỐ THUẾ:
ĐỊA CHỈ:
SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-KD của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

TT	Tên trong danh mục mời chào giá	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Phân nhóm	Đơn giá có VAT (VND)	Căn cứ mua sắm trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có)				Ghi chú ⁽¹⁾
														Tên cơ sở y tế	Số, ngày QĐ phê duyệt	Mã thông báo mời thầu	Đơn giá trúng thầu	
TT																		

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực⁽²⁾ ngày kể từ ngày báo giá.
- *Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.*
- Các yêu cầu khác:

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

¹ : Bảng biểu này chỉ có tính chất tham khảo, tùy từng loại hàng hóa cụ thể mà đơn vị có điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tế. Đơn vị thực hiện lưu ý thống nhất nội dung của bảng này và bảng tại “Mẫu nhập liệu” khi áp dụng cho từng loại hàng hóa cụ thể.
²: Khuyến cáo tối thiểu 12 tháng kể từ ngày chào giá



